

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 11 (Bảo Lạc)

Phần A.V, VI. Nội dung cơ bản của CNXHKKH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	6,00	Sáu	39	Hoàng Long Huyền	6,00	Sáu
2	Lê Minh Châu	5,75	Năm phẩy bảy năm	40	Trịnh Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Vi Xuân Chiêu	8,00	Tám	41	Mã Thị Kiều	7,00	Bảy
4	Hoa Văn Chương	5,00	Năm	42	Bế Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm
5	Bế Văn Cừ	7,50	Bảy phẩy năm	43	Hà Thị Lệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Nguyễn Thị Diên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Hoàng Văn Lén	8,00	Tám
7	Nông Văn Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	45	Nông Thúy Liễu	8,00	Tám
8	Lục Đức Doanh	7,25	Bảy phẩy hai năm	46	Triệu Dùn Lụa	7,25	Bảy phẩy hai năm
9	Nông Bằng Du	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Lục Thị Lương	6,75	Sáu phẩy bảy năm
10	Hoàng Lương Dũng	8,00	Tám	48	Tô Thị Luyến	6,00	Sáu
11	Lê Thùy Dương	7,50	Bảy phẩy năm	49	Điều Thị Mai	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Nông Thị Duyên	8,25	Tám phẩy hai năm	50	Tô Thị Mai	8,00	Tám
13	Tô Thị Đào	7,50	Bảy phẩy năm	51	Nguyễn Thị Mạnh	8,00	Tám
14	Nguyễn Duy Đạo	8,00	Tám	52	Hoàng Thị Minh	8,25	Tám phẩy hai năm
15	Hoàng Quốc Đạt	5,75	Năm phẩy bảy năm	53	Đoàn Thị Mùi	7,00	Bảy
16	Nguyễn Thuý Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	54	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
17	Lương Văn Đông	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Ma Văn Ngoạt	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Quyết Đước	5,00	Năm	56	Tô Thị Nguyệt	7,50	Bảy phẩy năm
19	Mê Thị Hạnh		Thôi học	57	Lãnh Thị Nhám	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Đình Thị Hậu	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Nông Hồng Như	7,50	Bảy phẩy năm
21	Nông Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	59	Tô Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Linh Thị Hiền	7,00	Bảy	60	Lý Hồng Quang	7,00	Bảy
23	Điều Thị Hiền	6,75	Sáu phẩy bảy năm	61	Lãnh Văn Quanh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
24	Lục Văn Hiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	62	Nông Phúc Sơn	6,75	Sáu phẩy bảy năm
25	Nguyễn Thị Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	63	Trương Thị Thân	6,00	Sáu

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
26	Lục Văn Hoan	8,00	Tám	64	Hoàng Văn Thêm	7,00	Bảy
27	Tô Văn Hoàng	8,00	Tám	65	Vàng Thị Thia	7,50	Bảy phẩy năm
28	Ma Văn Hội	7,25	Bảy phẩy hai năm	66	Lưu Hồng Thúy	8,00	Tám
29	Trịnh Thu Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Lê Thị Thùy	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nông Thị Minh Huệ	8,00	Tám	68	Nguyễn Thị Hồng Thuyên	7,00	Bảy
31	Hoàng Thị Kim Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	69	Triệu Quốc Trịnh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
32	Nguyễn Thị Minh Huệ	7,00	Bảy	70	Hoàng Gia Tự	6,75	Sáu phẩy bảy năm
33	Nông Thanh Hương	6,75	Sáu phẩy bảy năm	71	Lục Thanh Tuyền	6,25	Sáu phẩy hai năm
34	Cao Thị Thanh Hương	6,75	Sáu phẩy bảy năm	72	Phạm Hà Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Nguyễn Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	73	Mông Thị Hồng Vân	8,25	Tám phẩy hai năm
36	Nguyễn Thị Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	74	Công Thị Vè	7,00	Bảy
37	Phạm Thị Thu Hường	8,00	Tám	75	Lý Thị Xoan	6,75	Sáu phẩy bảy năm
38	Dương Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Điền Văn Xuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm

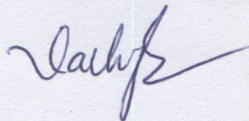
Điểm 5,00: 02 điểm; Điểm 5,75: 02 điểm; Điểm 6,00: 04 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,75: 11 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 12 điểm; Điểm 8,25: 06 điểm/.

GHI ĐIỂM

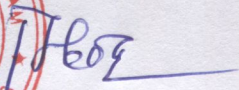
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG









Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa